

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019 /KDTM-ST

Ngày: 09 – 9 – 2019

“V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê tài
sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hiều
2. Ông Nguyễn Đức Dích

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐST-KDTM ngày 07/8 /2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2019/QĐHPT-KDTM ngày 30/8 /2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH CJ

Địa chỉ: Lầu 2, số 7/28 T, P.1..., quận..., thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông S - Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm P A Q (Địa chỉ: Lầu 2, số 7/28 T, P....., quận ..., thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy ủy quyền số 01/2019/UQ-TGD ngày 21/1/2019, có mặt tại phiên tòa..

2-Bị đơn: Công ty TNHH J

Địa chỉ: Số 5, tổ 6, khu 2, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn Đ - Giám đốc, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1) Theo đơn khởi kiện, các lời khai của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, biên bản hòa giải và tại phiên tòa thể hiện: Ngày 26/11/2017, Công ty TNHH CJ - Chi nhánh Quảng Ninh (là chi nhánh của Công ty TNHH CJ, sau đây gọi là “CJ QN”) và Công ty TNHH J (sau đây gọi là “JBY”) đã ký Hợp đồng dịch vụ số 20171126 và Phụ lục 01 đính kèm (“Hợp đồng”), ngoài ra hai bên cũng đã ký kết Phụ lục hợp đồng 02/PLHD ngày 10/12/2018 để thống nhất việc thay đổi cơ quan giải quyết tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp đồng từ trọng tài sang Tòa án. Theo đó, CJ QN đồng ý cho thuê và JBY đồng ý thuê tài sản gắn liền phòng chiếu phim số 3 thuộc tổ hợp rạp chiếu phim CGV Marine Plaza tại tòa nhà thuộc tổ hợp thương mại và giải trí Hạ Long Marine Plaza, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh với thời gian 03 năm. JBY có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng Phí dịch vụ cho CGV (Phí dịch vụ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí tiện ích thực tế - tiền điện, được tính trên số lượng tiêu thụ thực tế), thời hạn sử dụng được tính từ ngày 26/11/2017, JBY có tối đa 45 ngày tính từ 26/11/2017 để thực hiện công việc chuẩn bị và trong suốt thời hạn này phí dịch vụ sẽ được giảm xuống còn không đồng (VND)/tháng cho thời gian chuẩn bị ban đầu và thời gian tính phí dịch vụ thực tế bắt đầu từ ngày 10/1/2018, cụ thể như sau: Phí dịch vụ từ tháng thứ 1 đến tháng thứ 3 của thời hạn sử dụng: 150.000.000 VNĐ. Phí dịch vụ từ tháng thứ 4 tới tháng thứ 6 của thời hạn sử dụng: 210.000.000 VNĐ. Phí dịch vụ tối thiểu từ tháng thứ 7 của thời hạn sử dụng: 210.000.000 VNĐ. Ngoài ra, phí dịch vụ còn được tính trên tổng số lượng vé bán ra hàng ngày, với mức tính là 17.000VNĐ/vé và nếu tổng số vé bán ra hàng ngày vượt số lượng 2000 vé /ngày thì phí dịch vụ cho ngày hôm đó được tính với mức là 14.000 đồng/vé. Theo đó, kể từ tháng thứ 7 của thời hạn sử dụng trở đi, số tiền phí dịch vụ theo tháng không

đạt mức tối thiểu theo quy định thì phí dịch vụ sẽ được tính theo mức tối thiểu là 210.000.000 đồng/tháng.

Với tinh thần hỗ trợ và thông cảm, CJ QN đã liên tục tạo điều kiện để JBY có thể thanh toán các khoản công nợ của mình. Tuy nhiên, JBY lại không thực hiện nghĩa vụ thanh toán Phí dịch vụ và các chi phí tiện ích thực tế (“tiền điện”) của mình theo quy định tại Hợp đồng mặc dù đã nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán theo quy định cũng như nhiều lần nhận được yêu cầu và thông báo về việc vi phạm thanh toán công nợ (từ tháng 01/2018 cho đến tháng 10/2018). Ngày 08/12/2018, JBY có Công văn gửi đến CJ QN về việc xác nhận công nợ tính đến ngày 31/11/2018, JBY còn nợ CJ QN số tiền là 1.986.431.250 VNĐ (Khoản công nợ này chưa bao gồm các khoản tiền điện và phí dịch vụ trong tháng 11/2018, bởi lẽ các khoản tiền điện và phí dịch vụ tháng 11/2018 sẽ được các bên xác nhận vào đầu tháng 12/2018. Trên cơ sở đó, CGV sẽ phát hành hóa đơn điện tử và JBY sẽ có trách nhiệm thanh toán trong vòng 07 ngày sau khi nhận được hóa đơn từ CGV. Vì vậy, tại thời điểm ngày 30/11/2018, nghĩa vụ thanh toán khoản tiền điện và phí dịch vụ trong tháng 11/2018 chưa phát sinh cho JBY). Đồng thời JBY cam kết lộ trình thanh toán dứt điểm các khoản công nợ. Ngoài ra, sau khi nhận được Thông báo số 01/CV-CGVHLB ngày 14/12/2018 của Công ty TNHH CJ – Chi nhánh Quảng Ninh (thông báo nêu rõ JBY phải thanh toán Phí dịch vụ và tiền điện từ tháng 1/2018 đến tháng 11/2018 với số tiền tổng cộng là 2.406.845.099), Công ty TNHH J đã có Văn bản phúc đáp ngày 20/12/2018 về việc thanh toán công nợ quá hạn, theo đó JBY thừa nhận và cam kết sẽ thanh toán dứt điểm số tiền là 2.406.845.099 VNĐ. Mặc dù vậy, tính tới thời điểm hiện tại, JBY vẫn không có bất kỳ động thái nào nhằm tiếp tục thanh toán số công nợ theo Công văn ngày 08/12/2018 và các khoản Phí dịch vụ và tiền điện phát sinh trong tháng 11-12/2018. JBY liên tục đưa ra các lý do để trì hoãn việc thanh toán mặc dù vẫn hoạt động kinh doanh như thường. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Hợp đồng, CJ QN đã gửi văn bản Thông báo chấm dứt Hợp đồng ngày 03/01/2019 và Hợp đồng chấm dứt kể từ ngày 07/01/2019.

Tính đến cuối tháng 11/2018, JBY chỉ mới thanh toán cho CJ QN tổng số tiền 460.000.000 đồng, trong đó có 210.000.000 đồng tiền đặt cọc, 30.000.000 VNĐ thanh toán vào ngày 2/11/2018, 100.000.000 VNĐ thanh toán vào ngày 12/11/2018 và

100.000.000 VNĐ thanh toán vào ngày 26/11/2018), 12/7/2018 thanh toán 20.000.000 đồng tiền điện.

Vậy tổng số nợ của JBY được xác định như sau: 3.028.410.674 đồng (công nợ phí dịch vụ) + 232.771.566 đồng (Công nợ tiền điện) – 460.000.000 đồng (Tổng số tiền JBY đã thanh toán, bao gồm tiền đặt cọc Hợp đồng của JBY) = 2.801.182.240 đồng. Do đó Công ty TNHH J còn phải có nghĩa vụ thanh toán nốt khoản công nợ - tính tới thời điểm chấm dứt Hợp đồng cho Công ty TNHH CJ, cụ thể như sau:

- Phí dịch vụ và chi phí tiện ích thực tế tính tới thời điểm chấm dứt Hợp đồng là 2.801.182.239 VNĐ (*Hai tỷ tám trăm lẻ một triệu một trăm tám mươi hai nghìn hai trăm ba mươi chín đồng*);

-Tiền phạt vi phạm theo quy định tại Hợp đồng (với mức phạt 08% trên tổng giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm), số tiền là 224.094.579 VNĐ (*Hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng*);

-Tổng tiền phải thanh toán: 3.025.276.818 VNĐ (*Ba tỷ không trăm hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm mười tám đồng*). Thanh toán một lần sau khi Bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

2) Bị đơn trình bày: Thừa nhận nội dung Hợp đồng số 20171126 và Phụ lục 01 đính kèm (“Hợp đồng”) ngày 26/11/2017, Phụ lục hợp đồng 02/PLHĐ ngày 10/12/2018 đã được ký giữa CGV và JBY do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã trình bày như trên là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do là CGV chưa làm rõ được điều khoản về việc giảm trừ 20% nếu tổng số khách vượt quá 100 người/1 suất chiếu. Trong một ngày có từ 3 đến 4 suất chiếu mà suất chiếu nào cũng có trên 100 người nên bị đơn đề nghị phía Công ty CGV phải làm rõ vấn đề đó. Nhưng tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH J đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn cách thức thanh toán đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Long có quan điểm:

-Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH CJ

Buộc Công ty TNHH J hoàn trả cho Công ty TNHH CJ tổng số tiền 3.025.276.818 VNĐ (*Ba tỷ hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm mười tám đồng*), trong đó bao gồm: Phí dịch vụ và chi phí tiện ích thực tế tính tới thời điểm chấm dứt Hợp đồng là 2.801.182.239 VNĐ (*Hai tỷ tám trăm lẻ một triệu một trăm tám mươi hai nghìn hai trăm ba mươi chín đồng*). Tiền phạt vi phạm theo quy định tại Hợp đồng (với mức phạt 08% trên tổng giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm), số tiền là 224.094.579 VNĐ (*Hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng*);

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thời hiệu: Hội đồng xét xử xác định đảm bảo quy định tại Điều 150, 154 Điều 429 Bộ luật dân sự 2015.

-Về thẩm quyền: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm c khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39- Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

[2] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng dịch vụ số 20171126 được ký vào năm 2017 Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu do đương sự cung cấp cũng như chứng cứ cứ do Tòa án thu thập, thể hiện:

3.1-Hợp đồng dịch vụ số 20171126 ngày 26/11/2017 và Phụ lục 01 đính kèm (“Hợp đồng”) trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận thống nhất giữa CGV và BIY. Theo đó, CJ QN đồng ý cho thuê và JBY đồng ý thuê tài sản gắn liền phòng chiếu phim số 3 thuộc tổ hợp rạp chiếu phim CGV Marine Plaza tại tòa nhà thuộc tổ hợp thương mại và giải trí Hạ Long Marine Plaza, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh với thời gian 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng JBY đã không thực hiện theo quy định tại điều 2 của Phụ lục 01 Hợp đồng: “Khách hàng sẽ thanh toán cho CGV phí dịch vụ hàng tháng trong vòng 7 ngày sau khi nhận

được hóa đơn GTGT hợp lệ từ CGV”, mặc dù đã nhận được hóa đơn GTGT hợp lệ từ CGV và rất nhiều lần CGV gửi thông báo về việc JBY đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nhưng kể từ ngày ký Hợp đồng cho đến tháng 11/2018 JBY mới thanh toán cho CGV 250.000.000 đồng. Do đó CGV chấm dứt Hợp đồng thuê tài sản với JBY vào ngày 07/01/2019.

3.2-Theo bảng chi tiết công nợ phí dịch vụ của JBY và chi tiết công nợ tiền điện của JBY do CGV cung cấp cũng như cách tính giải trình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy phù hợp với các điều thỏa thuận tại Hợp đồng cũng như các tài liệu phía nguyên đơn cung cấp như: Bảng đối chiếu công nợ, Hóa đơn giá trị gia tăng tiền điện... Cụ thể: Phí dịch vụ từ tháng thứ 1 đến tháng thứ 3 của thời hạn sử dụng: 150.000.000 VNĐ. Phí dịch vụ từ tháng thứ 4 tới tháng thứ 6 của thời hạn sử dụng: 210.000.000 VNĐ. Phí dịch vụ tối thiểu từ tháng thứ 7 của thời hạn sử dụng: 210.000.000 VNĐ. Phí dịch vụ được tính trên tổng số lượng vé bán ra hàng ngày với mức tính là 17.000 đồng/vé, nếu tổng số vé bán ra hàng ngày vượt số lượng 2000 vé/ngày thì phí dịch vụ tính cho ngày hôm đó với mức là 14.000 đồng/vé. Phí dịch vụ nói trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và các chi phí tiện ích thực tế.

-Tháng thứ nhất từ 10/1/2018-31/1/2018: Phí dịch vụ của 21 ngày tháng thứ nhất $106.451.613 + 10.645.161 \text{ đồng (VAT)} = 117.096.774 \text{ đồng}$.

-Tháng thứ 2: Từ 1/2/2018-28/2/2018: $150.000.000 \text{ đồng} + 15.000.000 \text{ đồng (VAT)} = 165.000.000 \text{ đồng}$.

-Tháng thứ 3: Từ 1/3/2018-31/3/2018: $150.000.000 \text{ đồng} + 15.000.000 \text{ đồng (VAT)} = 165.000.000 \text{ đồng}$.

-Tháng thứ 3: Từ 01/4/2018- 9/4/2018: Phí dịch vụ của 8 ngày tháng thứ 3 $45.000.000 \text{ đồng} + 4.500.000 \text{ đồng} = 49.500.000 \text{ đồng}$.

-Tháng thứ 4: Từ 10/4/2018- 30/4/2018: Phí dịch vụ của 20 ngày tháng thứ tư $147.000.000 \text{ đồng} + 14.700.000 \text{ đồng} = 161.700.000 \text{ đồng}$.

-Tháng thứ 5 từ 01/5/2018 – 31/5/2018: $210.000.000 \text{ đồng} + 21.000.000 \text{ đồng (VAT)} = 231.000.000 \text{ đồng}$.

-Tháng thứ 6 từ 01/6/2018 – 30/6/2018: $210.000.000 \text{ đồng} + 21.000.000 \text{ đồng (VAT)} = 231.000.000 \text{ đồng}$.

Từ tháng thứ 7 đến tháng thứ 10, thì phí dịch vụ trong tháng ít hơn 210.000.000 đồng, do đó căn cứ tại điều 2 Phụ lục 01 của Hợp đồng đã thỏa thuận thì: “Phí dịch vụ tôi

thiếu mà khách hàng phải trả cho CGV từ tháng thứ 7 của thời hạn sử dụng là 210.000.000 đồng”, nên:

-Tháng thứ 7 01/7/2018-31/7/2018: 210.000.000 đồng + 21.000.000 đồng (VAT)=231.000.000 đồng.

-Tháng thứ 8: Từ 01/8/2018-31/8/2018: 210.000.000 đồng + 21.000.000 đồng = 231.000.000 đồng.

-Tháng thứ 9: Từ 01/9/2018-30/9/2018: 210.000.000 đồng + 21.000.000 đồng = 231.000.000 đồng.

-Tháng thứ 10: Từ 01/10/2018-31/10/2018: 210.000.000 đồng + 21.000.000 đồng = 231.000.000 đồng.

Tại các tài liệu do CGV cung cấp phí dịch vụ từ tháng thứ 11,12 và 13 đều có xác nhận của JBY và CGV:

-Tháng thứ 11 từ 1/11/2018 -30/11/2018: Tổng số vé bán ra trong tháng 21.262×17.000 đồng/vé = 365.654.000 + 36.565.400 đồng (VAT) = 402.219.400 đồng.

-Tháng thứ 12 từ 01/12/2018 – 31/12/2018: Tổng số vé bán ra trong tháng 27.849×17.000 đồng/vé = 474.833.000 đồng + 47.483.300 đồng(VAT) = 522.316.300 đồng.

-Tháng thứ 13 từ 01/01/2019-06/01/2019: Tổng số vé bán ra trong tháng 3.186×17.000 đồng/vé = 54.162.000 đồng + 5.416.200 đồng(VAT) = 59.578.200 đồng.

3.3-Tổng phí dịch vụ JBY nợ CGV: 3.028.410.674 đồng.

Tại bảng kê chi tiết công nợ tiền điện do CGV cung cấp (Có hóa đơn chứng từ kèm theo), thì tính từ 26/6/2018 – 06/1/2019 JBY còn nợ CGV tổng số tiền điện đã tiêu thụ: $211610514 + 21.164.052$ (VAT) = 232.771.566 đồng.

Do đó tổng số tiền JBY nợ CGV là 3.028.410.674 đồng (công nợ phí dịch vụ) + 232.771.566 đồng (Công nợ tiền điện) = 3.261.182.240 đồng.

Trừ đi số tiền JBY đã thanh toán cho CGV: Cuối tháng 11/2018, JBY thanh toán cho CJ QN tổng số tiền 460.000.000 đồng, trong đó có 210.000.000 đồng tiền đặt cọc, 30.000.000 VNĐ thanh toán vào ngày 2/11/2018, 100.000.000 VNĐ thanh toán vào ngày 12/11/2018 và 100.000.000 VNĐ thanh toán vào ngày 26/11/2018), 12/7/2018 thanh toán 20.000.000 đồng tiền điện. Như vậy JBY còn nợ CGV tổng số tiền

2.801.182.240 đồng.

3.4- Do JBY đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng nên CGV có yêu cầu buộc JBY phải chịu một khoản tiền phạt cho việc vi phạm nói trên với mức 08% trên tổng số giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm, cụ thể: $8\% \times 2.801.182.240 \text{ đồng} = 224.094.579 \text{ VNĐ}$. Căn cứ Điều 5.7 của Hợp đồng số 20171126 ngày 26/11/2017, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận.

3.5-Tuy nhiên không có biên bản xác nhận nào của JBY về số lượng khách hàng cho một suất chiếu, mặc dù JBY luôn có nhân viên thường xuyên cùng CGV xác nhận và chốt số lượng khách hàng ngày. Do đó không có căn cứ để áp dụng nội dung thỏa thuận trong phụ lục Hợp đồng số 01: “Trong trường hợp có từ 100 lượt khách hàng trở lên cho một suất sử dụng phòng chiếu phim, CGV sẽ giảm cho khách hàng 20% phí dịch vụ cho chính suất sử dụng đó”.

3.6- Như vậy tổng số tiền JBY phải thanh toán cho CGV là: $2.801.182.240 \text{ đồng} + 224.094.579 \text{ đồng} = 3.025.276.818 \text{ VNĐ}$ (Ba tỷ không trăm hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm mười tám đồng).

3.7- Mặt khác ngày 08/12/2018, JBY có Công văn gửi đến CJ QN về việc xác nhận công nợ tính đến ngày 31/11/2018, JBY còn nợ CJ QN số tiền là 1.986.431.250 VNĐ (Khoản công nợ này chưa bao gồm các khoản tiền điện và phí dịch vụ trong tháng 11/2018), đồng thời JBY cam kết lộ trình thanh toán dứt điểm các khoản công nợ. Ngoài ra, sau khi nhận được Thông báo số 01/CV-CGVHLB ngày 14/12/2018 của Công ty TNHH CJ – Chi nhánh Quảng Ninh (thông báo nêu rõ JBY phải thanh toán Phí dịch vụ và tiền điện từ tháng 1/2018 đến tháng 11/2018 với số tiền tổng cộng là 2.406.845.099), Công ty TNHH J đã có Văn bản phúc đáp ngày 20/12/2018 về việc thanh toán công nợ quá hạn. Theo đó, JBY thừa nhận và cam kết sẽ thanh toán dứt điểm số tiền là 2.406.845.099 VNĐ. Tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH J cũng thừa nhận còn nợ CJ tổng số tiền như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã trình bày.

3.8-Từ sự phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH CJ.

[4]Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên Công ty TNHH J phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH CJ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7]Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 - Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 472 và 481 - Bộ luật dân sự 2015; Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH CJ.

Buộc Công ty TNHH J hoàn trả cho Công ty TNHH CJ: Phí dịch vụ và chi phí tiện ích thực tế tính tới thời điểm chấm dứt Hợp đồng là 2.801.182.239 VNĐ (*Hai tỷ tám trăm lẻ một triệu một trăm tám mươi hai nghìn hai trăm ba mươi chín đồng*);

-Tiền phạt vi phạm theo quy định tại Hợp đồng là 224.094.579 VNĐ (*Hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng*);

-Tổng tiền phải thanh toán: 3.025.276.818 VNĐ (*Ba tỷ không trăm hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm mười tám đồng*).

Kể từ ngày Công ty TNHH CJ có đơn yêu cầu, Công ty TNHH J chậm thanh toán tiền thì Công ty TNHH CJ có quyền yêu cầu Công ty TNHH J phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2) Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH J phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 92.505.000 đồng (Chín mươi hai triệu, năm trăm linh năm ngàn đồng). Trả cho Công ty TNHH CJ 46.252.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000748 ngày 14/3/2010 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long.

3) Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hạ Long;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Nguyên đơn, bị đơn,
- Cơ quan thi hành án dân sự TP. Hạ Long;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Loan